

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Tháng 8 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 28

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Đặng Hồng Thi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Phạm Lê Tú Uyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Huân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Hoàng Thị Hồng Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Cao Khánh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Kho Yaw Huat	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Wee Kim Hon	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Chay Wai Leong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Đức Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Khôi	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ ngày 12 tháng 5 năm 2022 đến hiện tại)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Đến trước ngày 12 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022



Số: 327 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đồng thời không được cung cấp hồ sơ liên quan đến tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với nguyên giá là 13.645.663.168 VND (giá trị hao mòn lũy kế là 11.208.012.929 VND) và tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 với nguyên giá là 12.424.771.168 VND (giá trị hao mòn lũy kế là 10.314.921.213 VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế, tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khoản mục tài sản cố định của Công ty, do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của tài sản cố định và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đến chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 117.336.750 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của tiền mặt và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 07 - Phải thu khác: Hai khoản đầu tư của Công ty theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HĐTUVĐT/KVS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Á về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng Dự án “Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa”, số tiền 22.000.000.000 VND và Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTUVĐT/KVS/TN/2012 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên”, số tiền 7.000.000.000 VND đã vi phạm Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán”.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 2: Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ tháng 8 năm 2015; Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt từ ngày 19 tháng 5 năm 2022 đến ngày 28 tháng 9 năm 2022; số lỗ lũy kế là 118.194.027.650 VND, đồng thời, trong kỳ, không có phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Tuy nhiên, hiện tại, Công ty đã có kế hoạch tăng vốn, thay đổi nhân sự để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 24 - Số liệu so sánh: Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại sau khi Ban Lãnh đạo Công ty rà soát lại số liệu và thực hiện điều chỉnh lại cho phù hợp đối với các khoản công nợ, chi phí trả trước tồn đọng.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo soát xét số 009/2021/BCKT-HT.00050 ngày 13 tháng 8 năm 2021 đưa ra kết luận ngoại trừ; báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán số 009B/2022/BCKT-HT.00050 ngày 15 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Các nội dung ngoại trừ này đã được đề cập tại vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2022.



Lê Xuân Thăng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		11.934.977.023	16.242.006.857
I. Tài sản tài chính	110		11.853.346.187	15.901.694.357
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	8.540.688.951	10.541.091.121
1.1. Tiền	111.1		8.540.688.951	10.541.091.121
2. Trả trước cho người bán	118	6	4.350.000.000	5.350.000.000
3. Các khoản phải thu khác	122	7	38.897.657.236	38.895.603.236
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(39.935.000.000)	(38.885.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		81.630.836	340.312.500
1. Tạm ứng	131		61.850.000	78.085.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	19.780.836	262.227.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		2.852.641.160	3.120.032.139
I. Tài sản cố định	220		2.109.849.955	2.437.650.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.109.849.955	2.437.650.239
- Nguyên giá	222		12.424.771.168	13.645.663.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(10.314.921.213)	(11.208.012.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		7.684.301.890	7.684.301.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(7.684.301.890)	(7.684.301.890)
II. Tài sản dài hạn khác	250		742.791.205	682.381.900
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		218.098.000	218.098.000
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	12	524.693.205	464.283.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.787.618.183	19.362.038.996
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		31.645.833	39.359.833
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		31.645.833	39.359.833
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	31.504.833	39.359.833
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		141.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.755.972.350	19.322.679.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	14.755.972.350	19.322.679.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(120.244.027.650)	(115.677.320.837)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(120.244.027.650)	(115.677.320.837)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		14.787.618.183	19.362.038.996


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	15	10.547.688.624	10.547.688.624
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tiền gửi của khách hàng	026	16	100.840.260	97.546.970
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		100.840.260	97.546.970
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	17	100.840.260	97.546.970
2.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		100.840.260	97.546.970


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			-	-
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			-	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		5.045.162	1.692.527
3.2 Doanh thu khác về đầu tư	44		60.409.305	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42 => 44)	50		65.454.467	1.692.527
IV. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	18	4.631.661.280	3.798.040.581
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(4.566.206.813)	(3.796.348.054)
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		-	100.000
7.2 Chi phí khác	72		500.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(500.000)	100.000
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	19	-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	20	(338)	(281)


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	1.307.453.817	662.772.706
- Khấu hao TSCĐ	03	322.408.284	664.465.233
- Các khoản dự phòng	04	1.050.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(64.954.467)	(1.692.527)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	1.248.913.664	(156.648.357)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	997.946.000	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	16.235.000	(53.120.000)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	242.446.664	(111.735.568)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(7.855.000)	1.030.000
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	141.000	7.177.211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(2.010.339.332)	(3.290.123.705)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(105.108.000)	(1.179.009.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	110.000.000	-
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	5.045.162	1.692.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	9.937.162	(1.177.316.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90	(2.000.402.170)	(4.467.440.378)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	10.541.091.121	20.750.878.440
- Tiền	101.1	10.541.091.121	20.750.878.440
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	8.540.688.951	16.283.438.062
- Tiền	103.1	8.540.688.951	16.283.438.062


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng






Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	3.293.290	2.447.925
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20	3.293.290	2.447.925
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	97.546.970	92.423.298
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	97.546.970	92.423.298
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	100.840.260	94.871.223
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	100.840.260	94.871.223


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2021	01/01/2022 (trình bày lại)	Kỳ trước		Kỳ này		30/6/2021	30/6/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	14	(109.715.472.515)	(115.677.320.837)	(3.796.248.054)	-	(4.566.706.813)	-	(113.511.720.569)	(120.244.027.650)
Tổng vốn chủ sở hữu	14	25.284.527.485	19.322.679.163	(3.796.248.054)	-	(4.566.706.813)	-	21.488.279.431	14.755.972.350

Chi tiết tăng, giảm trong kỳ của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 14.



Trần Thị Dung
Người lập biểu

Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng

Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam) (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 61/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 7 năm 2022. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại số 2D, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 4 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 326/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam vào tình trạng kiểm soát đặc biệt. Thời hạn kiểm soát đặc biệt từ ngày 19 tháng 5 năm 2022 đến ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Hạn chế cho vay

Công ty chứng khoán không được cho vay tiền và chứng khoán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp công ty chứng khoán cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán của Bộ Tài chính.

Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán” và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phân vốn góp trực tiếp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty TNHH hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phân vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phân vốn góp, dự án kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Hạn chế đầu tư (Tiếp theo)

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số lỗ lũy kế là 118.194.027.650 VND, đồng thời trong kỳ, không có phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Điều này ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đang có kế hoạch tăng vốn để đảm bảo các hoạt động trong tương lai. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.
- Công ty TNHH Hưng An Điền: Cổ đông lớn.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính giữa niên độ, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Máy móc, thiết bị	02 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.
- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**
Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.
- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**
Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.
- **Thu nhập hoạt động khác:**
Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	298.176.355	117.336.750
Tiền gửi ngân hàng	8.242.512.596	10.423.754.371
Cộng	8.540.688.951	10.541.091.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại)
	VND	VND
Luật sư Đỗ Cao Thắng (i)	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc (ii)	500.000.000	500.000.000
Luật sư Nguyễn Tổ Loan (iii)	500.000.000	500.000.000
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền (iv)	400.000.000	400.000.000
Công ty Luật Tuấn Minh (v)	150.000.000	150.000.000
Văn phòng Luật sư Danh Tín	-	1.000.000.000
Cộng	4.350.000.000	5.350.000.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tư vấn pháp lý với Luật sư Đỗ Cao Thắng số 01/KDTM/2021/HDDVPL-ĐCT ngày 02 tháng 4 năm 2021.
- (ii) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc số 1908/2016/HDDVPL-BN ngày 19 tháng 8 năm 2016. Tiền thù lao cố định cho toàn bộ dịch vụ là 1.500.000.000 VND (không bao gồm 10% thuế GTGT. KVS chịu trách nhiệm trả thuế GTGT thay cho Công ty Bảo Ngọc. Số tiền này không tính vào khoản thù lao). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã tạm ứng lần 1 cho Bảo Ngọc.
- (iii) Hợp đồng với Luật sư Nguyễn Thị Tổ Loan số 05/2019/HĐPL-VPLS ngày 31 tháng 12 năm 2019; Phụ lục HDDVPL số 01/2021/HĐPL-VPLS ngày 25 tháng 10 năm 2021.
- (iv) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền số 06/2016/HĐ ngày 07 tháng 9 năm 2016. Phí dịch vụ: 400.000.000 VND. Thời hạn thanh toán: Công ty thanh toán cho văn phòng luật sư toàn bộ số tiền phí văn phòng trong vòng 5 ngày sau khi ký hợp đồng; Số tiền phí hợp đồng dịch vụ sẽ được chuyển 7 ngày sau khi ký hợp đồng.
- (v) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Công ty Luật Tuấn Minh số 1211/2020/HĐTT/LTM-KVS ngày 12 tháng 11 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại)
	VND	VND
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á (i)	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (iii)	9.500.000.000	9.500.000.000
Khương Tuấn Sơn (iv)	385.000.000	385.000.000
Đối tượng khác	12.657.236	10.603.236
Cộng	38.897.657.236	38.895.603.236

Ghi chú:

(i) Tổng Công ty Bất động sản Đông Á:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HDTUVD/KVS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 12 năm 2011 với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á và các phụ lục số 01 và 02, về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng “Dự án Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa”, giá trị 25.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư là 10 tháng được gia hạn đến ngày 25 tháng 9 năm 2014 và lợi nhuận thỏa thuận là 2%/tháng, giảm giảm xuống còn 1,2%/tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay này bao gồm: Nhà số 31 Hàng Than; Khu Resort “Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa” và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thửa số 1343, thôn Châu An, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa;

Theo biên bản làm việc ngày 13 tháng 02 năm 2014, hai bên đã thống nhất lộ trình thanh toán các khoản nợ nhưng đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được khoản tiền nào từ Tổng Công ty Bất động sản Đông Á theo như Biên bản đã ký. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty Bất động sản Đông Á từ ngày 28 tháng 02 năm 2013 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Công ty nộp đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và đã có Bản án sơ thẩm số 12/2016/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa và Bản án phúc thẩm số 16/2016/KDTM-PT ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Ngày 28 tháng 10 năm 2016, Công ty đã có đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên và nhận được Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-HĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, Tòa án Nhân dân tối cao đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 09/2020/KDTM-GĐT ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

- Chấp thuận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2020 của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao.
- Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019.
- Giao hồ sơ cho Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử lại thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HDTUVD/KVS/TN/2012 ngày 27 tháng 8 năm 2012 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái và các phụ lục: số 01/PLHDTYVD/KVS-PT/2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013; số 02/PLHDTYVD/KVS-PT/2013 ngày 03 tháng 10 năm 2013 về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên”: Thời hạn đầu tư 6 tháng, gia hạn đến ngày 27 tháng 9 năm 2013 và tiếp tục được gia hạn tới ngày 27 tháng 11 năm 2013; lợi nhuận: 1,5%/tháng và giảm xuống 1,2%/tháng từ ngày 27 tháng 02 năm 2013. Số tiền góp của Công ty là 7 tỷ VND. Tài sản đảm bảo bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 359, phường Cái Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, thời hạn thu hồi hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn hơn 7 tháng so với thời hạn đã gia hạn. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định và ngừng thu lãi của hợp đồng từ ngày 01 tháng 4 năm 2013;

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, Công ty đã có đơn khởi kiện Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái ra Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Do chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái không còn hoạt động trên địa bàn đăng ký kinh doanh. Ngày 29 tháng 6 năm 2018, Công ty đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội để đề nghị xử lý hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Công ty đã gửi đơn khởi kiện lên công an đề nghị khởi tố hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện tại, vụ án đang được điều tra và chưa có kết luận của cơ quan điều tra. Chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty không còn hoạt động tại địa bàn đăng ký kinh doanh. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(iii) Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (Tên hiện tại: Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC):

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 26 tháng 7 năm 2012 với Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC và Phụ lục số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 30 tháng 9 năm 2012 để nghiên cứu cơ hội đưa ra phương án tốt nhất và Bên A (Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden) thực hiện dự án: Thời hạn đầu tư 2 tháng, được gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 01 năm 2013. Lợi nhuận: 1,5%/tháng. Số tiền góp của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC là 9,5 tỷ VND. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại 99 Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Tiến Hùng và bà vợ Lê Kim Dung.

Theo Bản án số 29/2019/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng xử: Buộc Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden -TNC phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc phát mại tài sản đảm bảo. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình số 08/QĐ-CCTHADS ban hành Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC về việc phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND.

(iv) Khương Tuấn Sơn

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTUVĐT/KVS/2012 ngày 25 tháng 6 năm 2012 với ông Khương Tuấn Sơn với mục đích hoàn thiện nhà; Thời gian 6 tháng; lợi nhuận 1,8%/tháng. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa số 54B, Tờ dân phố Yên Phúc, Phường Yên Giang, Quận Hà Đông, Hà Nội. Các phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTUVĐT/2012 gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 25 tháng 3 năm 2013; Phụ lục số 02/PLHĐTUVĐT/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013 gia hạn đến ngày 25 tháng 11 năm 2014 và điều chỉnh lợi nhuận xuống còn 1,2%/tháng.

Công ty đã ngừng dự thu lãi hợp đồng này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Ông Khương Tuấn Sơn không có khả năng trả nợ, Công ty đã xác định không thu hồi được giá trị vốn tạm ứng, đã thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn, phần công nợ còn lại là khoản không còn khả năng thu hồi chờ xử lý xóa sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm (Trình bày lại)	Kỳ này		Đầu kỳ	
			Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi						
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền	400.000.000	-	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Luật Tuấn Minh	150.000.000	-	150.000.000	-	150.000.000	-
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000	9.500.000.000
Khương Tuấn Sơn	385.000.000	385.000.000	-	-	385.000.000	385.000.000
Cộng	39.935.000.000	38.885.000.000	1.050.000.000	-	39.935.000.000	38.885.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	-	64.000.000
Bảo dưỡng xe	19.780.836	193.067.500
Chi phí trả trước khác	-	5.160.000
Cộng	19.780.836	262.227.500

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.484.051.351	7.753.156.000	4.088.455.817	320.000.000	13.645.663.168
Mua trong kỳ	105.108.000	-	-	-	105.108.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.326.000.000)	-	-	(1.326.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.589.159.351	6.427.156.000	4.088.455.817	320.000.000	12.424.771.168
Số dư đầu năm	1.484.051.351	5.339.938.123	4.064.023.455	320.000.000	11.208.012.929
Khấu hao trong kỳ	43.795.000	257.036.340	21.576.944	-	322.408.284
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.215.500.000)	-	-	(1.215.500.000)
Số dư cuối kỳ	1.527.846.351	4.381.474.463	4.085.600.399	320.000.000	10.314.921.213
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	2.413.217.877	24.432.362	-	2.437.650.239
Số dư cuối kỳ	61.313.000	2.045.681.537	2.855.418	-	2.109.849.955

Trong đó:

- Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 9.623.977.168 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 5.791.977.168 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	7.684.301.890	7.684.301.890
Số dư cuối kỳ	7.684.301.890	7.684.301.890
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	7.684.301.890	7.684.301.890
Số dư cuối kỳ	7.684.301.890	7.684.301.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 7.864.301.890 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 7.864.301.890 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	464.283.900	464.283.900
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	60.409.305	-
Cộng	<u>524.693.205</u>	<u>464.283.900</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải nộp	31.504.833	39.359.833
Thuế TNCN	-	7.855.000
Thuế khác	31.504.833	31.504.833

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	(109.715.472.515)	25.284.527.485
Lợi nhuận trong năm trước (trình bày lại)	-	(5.961.848.322)	(5.961.848.322)
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	135.000.000.000	(115.677.320.837)	19.322.679.163
Lợi nhuận trong kỳ này	-	(4.566.706.813)	(4.566.706.813)
Số dư cuối kỳ này	<u>135.000.000.000</u>	<u>(120.244.027.650)</u>	<u>14.755.972.350</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hưng An Điền	66.150.000.000	49,00	-	-
Bà Phạm Lê Tú Uyên	27.000.000.000	20,0	-	-
Bà Phan Thanh Trà	22.834.310.000	16,91	-	-
Bà Đặng Hồng Thi	19.015.690.000	14,09	-	-
K&N Kenanga Holdings Berhad	-	-	66.150.000.000	49,00
Ông Cao Văn Sơn	-	-	36.833.310.000	27,28
Cổ đông khác	-	-	32.016.690.000	23,72
Cộng	<u>135.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>135.000.000.000</u>	<u>100</u>

Theo Nghị quyết số 01/QĐ-DHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng vốn của các cổ đông của Công ty; thay đổi danh sách cổ đông của Công ty, đồng thời sửa đổi điều lệ của Công ty; thông qua Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc mới của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	<u>30 tháng 6</u> <u>năm 2022</u>	<u>01 tháng</u> <u>01 năm</u> <u>2022</u>	
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	10.000	10.000	VND/cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu			

15. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 5 năm 2022, Công ty đã thông qua xóa bỏ công nợ của Công ty đối với các khoản phải thu, đầu tư, tồn đọng từ lâu, không ghi chi tiết đối tượng phải thu, không có hồ sơ lưu liên quan. Theo đó, Công ty đã ghi giảm các khoản phải thu, đầu tư này và giảm dự phòng tương ứng.

<u>Đối tượng</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(trình bày lại)</u>
	VND	VND
Tổng Thị Bích Đào	393.799.261	393.799.261
Nguyễn Văn Chuyên	470.911.000	470.911.000
Lã Quốc Hùng	413.000.000	413.000.000
Vũ Cát Sự	266.294.346	266.294.346
Huỳnh Thiện Phúc Ngũ	151.583.806	151.583.806
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	224.200.000	224.200.000
Nguyễn Thị Hằng Nga	2.752.765.225	2.752.765.225
Nguyễn Văn Chuyên	306.404.644	306.404.644
Nguyễn Hữu Minh	416.757.878	416.757.878
Lê Hoàng Tuân	607.012.515	607.012.515
Nguyễn Thị Vui	544.355.109	544.355.109
Trần Thị Hồng Anh	580.999.605	580.999.605
Đối tượng khác	3.419.605.235	3.419.605.235
Cộng	<u>10.547.688.624</u>	<u>10.547.688.624</u>

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	100.840.260	97.546.970
Cộng	<u>100.840.260</u>	<u>97.546.970</u>

17. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	100.840.260	97.546.970
Cộng	<u>100.840.260</u>	<u>97.546.970</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	1.098.300.000	1.389.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	322.408.284	664.465.233
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.157.952.996	1.741.575.348
Chi phí dự phòng	1.050.000.000	-
Cộng	4.631.661.280	3.798.040.581

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Trừ: Chuyển lỗ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(4.566.706.813)	(3.796.248.054)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(338)	(281)

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch, số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Công ty chưa quyết định chi trả các khoản thù lao, lương thưởng của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.540.688.951	10.541.091.121
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	14.755.972.350	19.322.679.163
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.540.688.951	10.541.091.121
Các khoản cho vay	1.695.588.413	1.695.588.413
Các khoản phải thu, phải thu khác	(1.037.342.764)	10.603.236
Các khoản ký quỹ	218.098.000	218.098.000
Tổng cộng	9.417.032.600	12.465.380.770

Công nợ tài chính

Các khoản phải trả	141.000	-
Tổng cộng	141.000	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.540.688.951	-	8.540.688.951
Tài sản tài chính FVTPL	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Các khoản cho vay	1.695.588.413	-	1.695.588.413
Các khoản phải thu, phải thu khác	(1.037.342.764)	-	(1.037.342.764)
Các khoản ký quỹ	-	218.098.000	218.098.000
Tổng cộng	9.198.934.600	218.098.000	9.417.032.600
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	141.000	-	141.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	141.000	-	141.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.198.793.600	218.098.000	9.416.891.600
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.541.091.121	-	10.541.091.121
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Các khoản cho vay	1.695.588.413	-	1.695.588.413
Các khoản phải thu, phải thu khác	10.603.236	-	10.603.236
Các khoản ký quỹ	-	218.098.000	218.098.000
Tổng cộng	12.247.282.770	218.098.000	12.465.380.770
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.247.282.770	218.098.000	12.465.380.770

23. THÔNG TIN KHÁC

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/BB-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 đã thông qua phương án khắc phục việc vốn chủ sở hữu của Công ty thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu; thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 135 tỷ VND lên 162 tỷ VND.

Đồng thời, Công ty đã có Công văn số 07/CV-KVS ngày 13 tháng 6 năm 2022 tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án khắc phục vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu; theo đó, Công ty tiến hành chuẩn bị và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cam kết thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành thêm cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tới thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục tăng vốn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại sau khi Ban Lãnh đạo Công ty ra soát lại số liệu và thực hiện điều chỉnh lại cho phù hợp đối với các khoản công nợ, chi phí trả trước tồn đọng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh lại	Chênh lệch
Các khoản cho vay	114	1.695.588.413	-	1.695.588.413
Các khoản phải thu	117	224.200.000	-	224.200.000
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>224.200.000</i>	-	<i>224.200.000</i>
Trả trước cho người bán	118	2.412.200.000	5.350.000.000	(2.937.800.000)
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	3.606.850.514	-	3.606.850.514
Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121	1.449.551.587	-	1.449.551.587
Các khoản phải thu khác	122	42.467.101.346	38.895.603.236	3.571.498.110
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	(49.432.688.624)	(38.885.000.000)	(10.547.688.624)
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	2.845.560.837	262.227.500	2.583.333.337
Các khoản đầu tư	212	200.000.000	-	-
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>200.000.000</i>
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.729.312	-	4.729.312
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	102.494.112	-	102.494.112
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	867.961.834	-	867.961.834
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352	83.124.000	-	83.124.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417	(117.090.096.758)	(115.677.320.837)	1.412.775.921
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>	<i>(117.090.096.758)</i>	<i>(115.677.320.837)</i>	<i>1.412.775.921</i>


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

